

THÔNG BÁO

Về việc phát hành Yêu cầu báo giá Mua vắc xin phòng bệnh sốt xuất huyết của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.

Căn cứ Quyết định số 242/QĐ-KSBT ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật về việc phê duyệt Yêu cầu báo giá Mua vắc xin phòng bệnh sốt xuất huyết.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre có nhu cầu mua vắc xin phòng bệnh sốt xuất huyết để tiêm chủng theo hình thức dịch vụ của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật. Nay Trung tâm Kiểm soát bệnh tật kính mời các công ty có đủ năng lực cung ứng, tham gia gửi hồ sơ báo giá theo yêu cầu của Trung tâm. Cụ thể như sau:

- Hồ sơ Yêu cầu báo giá:** Đính kèm
 - Mục đích:** Lựa chọn đơn vị cung ứng vắc xin phòng bệnh dại.
 - Thời gian phát hành Yêu cầu báo giá:** Từ ngày đăng tải thông tin mời báo giá trên trang web CDC đến 15h ngày 26/12/2024.
 - Địa điểm và thời gian nhận hồ sơ báo giá của các:** Hồ sơ chào giá có ký tên đóng dấu và gửi về:
 - + Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre. Đ/c: Số 230 Nguyễn Văn Tư, Phường 7, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Số điện thoại: 02753.822353.
 - + Người nhận: Trần Thị Thanh Hiền.
 - + Ngoài bì thư ghi rõ: “Hồ sơ Báo giá Mua vắc xin phòng bệnh sốt xuất huyết”.
 - + Email tiếp nhận báo giá: tomuasamcdc@gmail.com
 - Thời điểm đóng yêu cầu báo giá:** 15 giờ 00 phút ngày 26/12/2024
- Trân trọng thông báo./. *aa*

Nơi nhận:

- Đăng tải trên trang web CDC;
- Lưu VT, Tổ XDHSYCBG&ĐGHSBG.



Nguyễn Hữu Định

Số: 442/QĐ-KSBT

Bến Tre, ngày 09 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt Yêu cầu báo giá Mua vắc xin phòng bệnh sốt xuất huyết.

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 235/QĐ-KSBT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật về việc phê duyệt Danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật và dự toán mua sắm vắc xin phòng bệnh sốt xuất huyết;

Căn cứ Tờ trình số ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Tổ xây dựng hồ sơ yêu cầu báo giá và Đánh giá hồ sơ báo giá về việc phê duyệt Yêu cầu báo giá Mua vắc xin phòng bệnh sốt xuất huyết;

Xét đề nghị của Tổ xây dựng hồ sơ yêu cầu báo giá và Đánh giá hồ sơ báo giá.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Hồ sơ yêu cầu báo giá Mua vắc xin phòng bệnh sốt xuất huyết (Hồ sơ kèm theo).

Điều 2. Căn cứ nội dung Hồ sơ yêu cầu báo giá đã được phê duyệt tại Điều 1, Tổ xây dựng hồ sơ yêu cầu báo giá và Đánh giá hồ sơ báo giá tổ chức thực hiện các bước tiếp theo theo quy định hiện hành.

Điều 3. Tổ xây dựng hồ sơ yêu cầu báo giá và Đánh giá hồ sơ báo giá, Tổ tự kiểm tra, Tổ mua sắm, các cá nhân và đơn vị liên quan căn cứ Quyết định này để thực hiện.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TXDHSYCBG và ĐGHSBG.



Nguyễn Hữu Định

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói:	Mua vắc xin phòng bệnh sốt xuất huyết
Phát hành ngày:	Ngày 20/12/2024
Ban hành kèm theo Quyết định số:	Quyết định số 242/QĐ-KSBT ngày 20/12/2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật

Bến Tre, ngày 20 tháng 12 năm 2024



Nguyễn Hữu Định

MỤC LỤC

TỪ NGỮ VIẾT TẮT	3
Chương I. YÊU CẦU NỘP YÊU CẦU BÁO GIÁ.....	4
Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU	17
Chương III. BIỂU MẪU.....	20
Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG	23
PHỤ LỤC: PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA	29

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Luật đấu thầu 22/QH15	Luật đấu thầu số 22/2024/QH15
Nghị định 24/CP	Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/022014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà cung cấp
Thông tư 07/2024/TT-BYT	Thông tư 07/2024/TT-BYT ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Bộ Y tế qui định về đấu thầu tại cơ sở y tế công lập

Chương I. YÊU CẦU NỘI YÊU CẦU BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên đơn vị mời báo giá là: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre.
2. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre mời nhà cung cấp tham gia nộp chào giá gói Mua vắc xin phòng bệnh sốt xuất huyết nhằm phục vụ công tác tiêm phòng vắc xin cho người dân tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre trong vòng 45 ngày kể từ khi hợp đồng có hiệu lực.
3. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói mua nêu tại Chương II và Phụ lục Phạm vi cung cấp hàng hóa của yêu cầu báo giá này.
4. Loại hợp đồng: hợp đồng theo đơn giá cố định.
5. Số lượng: gồm 01 mặt hàng.
6. Thời gian thực hiện hợp đồng: 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Mục 2. Tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm của nhà cung cấp

a. Tư cách hợp lệ:

Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp Hồ sơ báo giá gói Mua vắc xin phòng bệnh sốt xuất huyết để tiêm chủng theo hình thức dịch vụ của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Đối với nhà cung cấp phải có đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với nhà cung cấp, nhà đầu tư nước ngoài: có đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài.
- Hạch toán tài chính độc lập.
- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản.
- Có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp.
- Bảo đảm cạnh tranh trong cung cấp.
- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự nhà cung cấp theo quyết định của người có thẩm quyền.
- Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

a. Năng lực kinh nghiệm:

Bảng số 01

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá độc lập	Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 ⁽²⁾ đến thời điểm đóng yêu cầu báo giá, Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá không có hợp đồng cung cấp hàng hóa (vắc xin) không hoàn thành do lỗi của Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá ⁽³⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế ⁽⁴⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng yêu cầu báo giá..	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự yêu cầu báo giá và cung cấp tài liệu chứng minh
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính ⁽⁵⁾	Giá trị tài sản ròng của Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng yêu cầu báo giá phải	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 09

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá độc lập	Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		ương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)				
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 2021 ⁽⁶⁾ năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng yêu cầu báo giá của Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá có giá trị tối thiểu là ____ ⁽⁷⁾ VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 09
4	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá tương tự	Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá chính trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 ⁽⁹⁾ đến thời điểm đóng yêu cầu báo giá. Trong đó hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự: là vắc xin ⁽¹⁰⁾ ; - Đã hoàn thành có quy mô (giá trị) tối thiểu: ____ VND ⁽¹¹⁾	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 06a

Ghi chú:

(2) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng yêu cầu báo giá. Ví dụ: từ

ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng yêu cầu báo giá.

(3) Hợp đồng cung cấp hàng hóa không hoàn thành do lỗi của Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa bị Chủ đầu tư kết luận Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá không hoàn thành và Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá không phản đối;
- Hợp đồng cung cấp hàng hóa bị Chủ đầu tư kết luận Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá không hoàn thành, không được Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá.

Các hợp đồng cung cấp hàng hóa không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

(4) Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng yêu cầu báo giá. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc
- Tờ khai thuế và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

(6) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm trước năm có thời điểm đóng yêu cầu báo giá. Trường hợp Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của yêu cầu báo giá thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá đáp ứng yêu cầu về giá trị của yêu cầu báo giá thì Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Trường hợp thời điểm đóng yêu cầu báo giá sau ngày kết thúc năm tài chính của Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

(Ví dụ: Thời điểm đóng yêu cầu báo giá là ngày 20/3/2024, năm tài chính của Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá là

01/01 – 31/12 và HSYC yêu cầu Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá nộp cầu tài chính của 03 năm gần nhất thì Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).

(7) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện Gói . . . từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá Gói . . . – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện Gói . . . theo năm] x k. Yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là từ 1,5.

b) Trường hợp thời gian thực hiện Gói . . . dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá Gói . . . – giá trị thuế VAT) x k. Yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,5.

(9) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng yêu cầu báo giá. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng yêu cầu báo giá.

(10) Tương tự về tính chất: hàng hóa có tính chất tương tự là vắc xin

(11) Quy mô của hợp đồng tương tự:

Trường hợp Gói . . . có nhiều hạng mục hàng hóa thì phải ghi giá trị tương ứng của từng hạng mục hàng hóa để làm cơ sở đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự của Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá.

Trường hợp Gói . . . bao gồm nhiều loại hàng hoá khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô Gói . . . để Bên mời yêu cầu báo giá đưa ra yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở các loại hàng hoá chính của Gói . . . để Bên nêu rõ các hàng hóa chính) hoặc yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở tất cả các loại hàng hoá của Gói . . ., trong đó ghi quy mô yêu cầu đối với mỗi hạng mục hàng hóa chính hoặc mỗi hạng mục hàng hóa. Trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời yêu cầu báo giá lớn và trong nước có dưới 03 Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá đã từng thực hiện các hợp đồng tương tự có quy mô trên 70% quy mô của Gói . . . đang xét thì có thể điều chỉnh giảm yêu cầu về quy mô của hợp đồng tương tự xuống còn Y/1,4. Trong đó, Y thông thường khoảng 70% giá trị của gói . . . đang xét.

**HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO ĐƠN VỊ THAM GIA NỘP YÊU
CẦU BÁO GIÁ THỰC HIỆN**

Tên Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá: ____ *[ghi tên đầy đủ của Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá].*

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>	
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Giá hợp đồng ⁽³⁾	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>	
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>	
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>	
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>	
E-mail:	<i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>	
1. Loại hàng hóa	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>	
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>	

Ghi chú:

- (1) Trường hợp Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.
- (2) Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của Gói
- (3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá hiện tại.

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP HÀNG HÓA KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA ĐƠN VỊ THAM GIA NỘP YÊU CẦU BÁO GIÁ TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾

Tên Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá: _____

Ngày: _____

Các hợp đồng không hoàn thành do lỗi của Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá trong quá khứ

- ☐ Không có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá kể từ ngày 01 tháng 01 năm__ [ghi năm]
- ☐ Có hợp đồng đã ký nhưng không hoàn thành do lỗi của Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá tính từ ngày 01 tháng 01 năm__ [ghi năm]

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)

		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	
--	--	--	--

Ghi chú:

(1) Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành do lỗi của Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá trong quá khứ; trường hợp Trung tâm Kiểm soát bệnh tật phát hiện Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá trong quá khứ mà không kê khai thì Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá được coi là có hành vi gian lận và yêu cầu báo giá của Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá sẽ bị loại.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ THAM GIA NỘP YÊU CẦU BÁO GIÁ⁽¹⁾

Tên Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá: _____

Ngày: _____

Năm tài chính của Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá từ ngày ____ tháng ____ đến ngày ____ tháng ____ (Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSYC			
	Năm 1: 2021	Năm 2: 2022	Năm 3: 2023
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) ⁽²⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSYC/số năm.

Trường hợp Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của yêu cầu báo giá thì Doanh thu bình quân hằng năm (không

bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá có số liệu tài chính.

Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá phải nộp các tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá hoặc thành viên liên danh (nếu là Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu Đơn vị tham gia nộp yêu cầu báo giá đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng yêu cầu báo giá..

Mục 3. Tính hợp lệ của hàng hóa

Hàng hóa dự yêu cầu báo giá được coi là hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau:

1. Phải có xuất xứ rõ ràng và được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam
2. Phải phù hợp, đủ, đúng chuẩn các đặc tính kỹ thuật, phân nhóm kỹ thuật theo yêu cầu của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.
3. Phải có các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa theo quy định

Mục 4. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà cung cấp phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03 Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

2. Giá chào là giá do nhà cung cấp ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói Mua vắc xin phòng bệnh sốt xuất huyết trên cơ sở yêu cầu của yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà cung cấp sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì đề xuất trực tiếp vào đơn chào hàng. Trong đề xuất giảm giá, nhà cung cấp cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 5. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Cam kết thực hiện gói Mua vắc xin phòng bệnh sốt xuất huyết theo Mẫu số 02 Chương III;
3. Bảng giá chào theo Mẫu số 03 Chương III;
4. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà cung cấp và của người ký đơn chào hàng;
5. Giấy ủy quyền ký đơn chào hàng (nếu có);
6. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ, sự phù hợp của hàng hóa.
7. Hạch toán tài chính độc lập.
8. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản.
9. Có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp.
10. Bảo đảm cạnh tranh trong cung cấp.
11. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự nhà cung cấp theo quyết định của người có thẩm quyền.
12. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Mục 6. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng yêu cầu báo giá.

Mục 7. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà cung cấp phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử trước 15 giờ 00 phút, ngày 26 tháng 12 năm 2024, cụ thể như sau:

- Địa chỉ nộp báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre; Số 230 Nguyễn Văn Tư, Phường 7, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, điện thoại:

02753.822353.

- Email tiếp nhận báo giá: tomuasamcdc@gmail.com

Các báo giá được gửi đến Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà cung cấp. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà cung cấp đã nộp báo giá.

3. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre so sánh các báo giá theo yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời yêu cầu báo giá có thể mời nhà cung cấp có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 8. Điều kiện xét chọn nhà cung cấp

Nhà cung cấp được đánh giá có đủ tư cách hợp lệ được xem xét, đề nghị trúng yêu cầu báo giá khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong yêu cầu báo giá;
2. Có đầy đủ tài liệu chứng minh đúng tính hợp lệ và sự phù hợp của hàng hóa đáp ứng với yêu cầu về tên hàng hóa, đặc điểm kỹ thuật và phân nhóm kỹ thuật
3. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất.

Mục 9. Công khai kết quả lựa chọn nhà cung cấp

1. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả nhà cung cấp tham dự chào hàng theo đường bưu điện và được đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc Báo đấu thầu theo quy định hoặc trang Web Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp, nếu có nhà cung cấp không được chọn gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Thông báo nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp.

Mục 10. Bảo đảm thực hiện hợp đồng: Không yêu cầu

Mục 11. Giải quyết kiến nghị

Nhà cung cấp có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà cung cấp và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào giá khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU

1. Yêu cầu cung cấp hàng hóa

Nhà cung cấp phải cung cấp hàng hóa theo đúng nội dung nêu tại Phụ lục: Phạm vi cung cấp hàng hóa kèm theo yêu cầu báo giá kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2. Địa điểm cung cấp hàng hóa

Kho Khoa Dược-Vật tư y tế Trung tâm Kiểm soát bệnh tật; Địa chỉ: 230 Nguyễn Văn Tư, Phường 7, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

3. Yêu cầu về kỹ thuật

Với các nội dung chi tiết theo bảng sau:

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		“Đạt”	“Không đạt”
1	Hàng hóa dự yêu cầu báo giá đúng mặt hàng, yêu cầu kỹ thuật, đơn vị tính của từng hàng hóa được nêu trong tại Phụ lục: Phạm vi cung cấp hàng hóa	Hàng hoá hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu tại Phạm vi cung cấp hàng hóa	Hàng hoá không đáp ứng yêu cầu tại Phạm vi cung cấp hàng hóa
2	Hàng hóa dự yêu cầu báo giá đáp ứng đúng phân nhóm theo Thông tư 07/2024/TT-BYT (nội dung cụ thể theo bảng phân nhóm kèm theo) ⁽¹⁾	Có đầy đủ tài liệu chứng minh đáp ứng tiêu chí của phân nhóm mà hàng hóa dự yêu cầu báo giá của nhà cung cấp tham dự	Không có đầy đủ tài liệu chứng minh đáp ứng tiêu chí của nhóm mà hàng hóa dự yêu cầu báo giá của nhà cung cấp tham dự
3	Hàng hóa phải có xuất xứ rõ ràng	+ Hàng hóa nhập khẩu: Phải có tờ khai hải quan + Hàng hóa sản xuất trong nước: phải có Bản tiếp nhận công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa của cơ quan có thẩm quyền hoặc Giấy phép lưu hành sản phẩm.	+ Hàng hóa nhập khẩu: không có tờ khai hải quan + Hàng hóa sản xuất trong nước: không có bất cứ một trong các tài liệu sau: Bản tiếp nhận công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa của cơ quan có thẩm quyền hoặc Giấy phép lưu hành sản phẩm.

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		“Đạt”	“Không đạt”
4	-Tiến độ cung cấp hàng hóa đúng yêu cầu, kịp thời, đủ số lượng, đảm bảo chất lượng, - Hạn sử dụng còn lại tính từ thời điểm giao hàng đúng quy định của yêu cầu báo giá	Có Bản cam kết theo mẫu số 02	Không có Bản cam kết theo mẫu số 02

Hàng hóa được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các nội dung yêu cầu đều được đánh giá là đạt.

Hàng hóa được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có một nội dung yêu cầu được đánh giá là không đạt.

Mặt hàng phải được cập nhật đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu tại Yêu cầu báo giá - Mẫu số 03 Chương III.

(1) Hàng hóa dự yêu cầu báo giá phân nhóm theo Thông tư 07/2024/TT-BYT:

1. Nhóm 1 bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam và đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

a) Được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP tại nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP;

b) Thuốc thuộc danh mục thuốc biệt dược gốc hoặc sinh phẩm tham chiếu do Bộ Y tế công bố;

c) Được sản xuất toàn bộ các công đoạn tại Việt Nam và phải đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau đây:

- Sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP;

- Được cơ quan quản lý dược của nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA cấp phép lưu hành theo quy định tại khoản 4 Điều 40 Thông tư này;

- Thuốc lưu hành tại Việt Nam và thuốc được cơ quan quản lý dược của nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA cấp phép lưu hành phải có cùng công thức bào chế, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng, phương pháp kiểm nghiệm; dược chất, tá dược phải có cùng tiêu chuẩn chất lượng, cơ sở sản xuất, địa điểm sản xuất theo quy định tại khoản 4 Điều 40 Thông tư này.

2. Nhóm 2 bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam và đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

a) Được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn

EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP;

b) Được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc tại nước là thành viên PIC/s đồng thời là thành viên ICH, được cơ quan quản lý có thẩm quyền của nước này cấp chứng nhận đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn PIC/s-GMP và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn PIC/s-GMP.

3. Nhóm 3 bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố có chứng minh tương đương sinh học.

4. Nhóm 4 bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam và được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất tại Việt Nam được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP.

5. Nhóm 5 bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre

Sau khi nghiên cứu yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi yêu cầu báo giá số [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, [Ghi tên nhà cung cấp], cam kết thực hiện gói..... theo đúng yêu cầu của yêu cầu báo giá với tổng số tiền là ____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói.....].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà cung cấp chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Chúng tôi cam kết giá chào trên bao gồm thuế, phí, lệ phí và các chi phí liên quan khác.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian ngày, kể từ ngày _____
[Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm kết thúc yêu cầu báo giá].

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI.....

Ngày: _____

[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói.....:

.....

Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre

Sau khi nghiên cứu yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi yêu cầu báo giá số [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)], chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp], cam kết thực hiện gói..... [Ghi tên gói.....] theo đúng yêu cầu của yêu cầu báo giá và sẽ thực hiện đầy đủ các nội dung sau:

1. Cung cấp hàng hóa đúng kỹ thuật, có chất lượng (đúng số đăng ký hoặc giấy phép nhập khẩu của hàng hóa tham dự) và đúng giá được chọn trong hợp đồng.

2. Cung ứng hàng hóa đúng tiến độ, đủ hàng hóa (chia thành từng đợt và đợt xuất theo yêu cầu của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre), cụ thể:

- Thời hạn giao hàng và địa điểm giao hàng: Giao hàng tận nơi cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre; đến tận kho Khoa Dược-Vật tư y tế Trung tâm Kiểm soát bệnh tật; ; Địa chỉ: 230 Nguyễn Văn Tư, Phường 7, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre trong vòng 03 ngày theo từng đơn đặt hàng (trừ trường hợp đợt xuất có thỏa thuận).

- Hàng hóa phải nguyên đai, nguyên kiện, nguyên hộp. Phải còn nguyên nhãn mác, tem, tuyệt đối không được cạo sửa, tẩy xóa. Các thông tin hàng hóa phải ghi trên bao bì, các thông tin đóng gói, các chỉ dẫn cho việc bốc dỡ vận chuyển, bảo quản (nếu có).

- Cam kết cung cấp hàng hóa đủ hạn dùng (đối với hàng hóa có hạn sử dụng) tính từ thời điểm cung ứng hàng hóa cho đơn vị sử dụng, phải đảm bảo tối thiểu còn 06 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 01 đến dưới 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với hàng hóa có hạn dùng dưới 01 năm.

3. Thu hồi hàng hóa trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre.

Nếu không thực hiện đúng những cam kết nêu trên, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và quy định của yêu cầu báo giá nêu trên.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

BẢNG GIÁ CHÀO CỬA HÀNG HÓA

Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre

Địa chỉ: 230 Nguyễn Văn Tư, Phường 7, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre Điện thoại: 0275.3822353
Email: ttytdpbentre@gmail.com

Tên gói.....:

T T	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Hạn dùng (nếu có)	Nhóm tiêu chí kỹ thuật	Số lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu	Năm sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ nước chủ sở hữu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự báo giá (VNĐ)	Thành tiền (VN Đ)	Ghi chú
	Tổng cộng:																	

....., ngày.....thángnăm

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ CUNG CẤP

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói Mua vắc xin phòng bệnh sốt xuất huyết

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15;

- Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà cung cấp;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre và nhà cung cấp ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Bên Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre (sau đây gọi là Bên A)

Đại diện: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Bên nhà cung cấp (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà cung cấp [Ghi tên nhà cung cấp trúng yêu cầu báo giá]

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền số _____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp;
4. Báo giá và các văn bản làm rõ báo giá của nhà cung cấp (nếu có);
5. Yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ yêu cầu báo giá (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và dịch vụ liên quan như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Thời hạn giao hàng và địa điểm giao hàng: Bên B sẽ giao hàng tận nơi cho Bên A đến tận kho của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre trong vòng 03 ngày theo từng đơn đặt hàng.

Hàng hóa phải nguyên đai, nguyên kiện, nguyên hộp. Phải còn nguyên nhãn mác, tem, tuyệt đối không được cạo sửa, tẩy xóa. Hàng hóa có nhãn hàng hóa đúng theo quy định của Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 và Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Thủ tướng Chính Phủ. Các thông tin hàng hóa phải ghi trên bao bì, các thông tin đóng gói, các chỉ dẫn cho việc bốc dỡ vận chuyển, bảo quản

(nếu có).

Cam kết cung cấp hàng hóa đủ hạn dùng (đối với hàng hóa có hạn sử dụng) tính từ thời điểm cung ứng hàng hóa cho đơn vị sử dụng, phải đảm bảo tối thiểu còn 06 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 01 đến dưới 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với hàng hóa có hạn dùng dưới 01 năm.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng:
2. Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản.
3. Thời gian thanh toán: Trong vòng không quá 30 ngày khi có đủ chứng từ và hồ sơ thanh toán hợp lệ của bên bán giao cho bên mua.

Điều 6. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Điều 8. Bảo đảm thực hiện hợp đồng: Không yêu cầu

Điều 9. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 10. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 05 bộ, Bên A/Bên B giữ 03 bộ, nhà cung cấp giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ CUNG CẤP**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT
BỆNH TẬT**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP
ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu báo giá, báo giá của nhà cung cấp và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 03 trong yêu cầu báo giá này].

(KHÔNG ÁP DỤNG)

MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: *Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre.*

Theo đề nghị của ____ [*Ghi tên nhà cung cấp*] (sau đây gọi là nhà cung cấp) là nhà cung cấp đã được chọn cung cấp gói Mua vắc xin phòng bệnh sốt xuất huyết và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói Mua vắc xin phòng bệnh sốt xuất huyết trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong yêu cầu báo giá (hoặc hợp đồng), nhà cung cấp phải nộp cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng.

Chúng tôi, ____ [*Ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*Ghi địa chỉ của ngân hàng*⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà cung cấp với số tiền là ____ [*Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [*Ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre thông báo nhà cung cấp vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____
(4).

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [*Ghi tên nhà cung cấp*] (sau đây gọi là nhà cung cấp)

là nhà cung cấp được chọn cung cấp gói..... ____ [*Ghi tên gói.....*] đã ký hợp đồng số [*Ghi số hợp đồng*] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.

PHỤ LỤC: PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA

Stt	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
01	Qdenga	Mỗi liều vắc xin 0,5ml sau khi hoàn nguyên chứa: - Tuýp huyết thanh 1 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 3,3 \log 10\text{PFU}$; - Tuýp huyết thanh 2 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 2,7 \log 10\text{PFU}$; - Tuýp huyết thanh 3 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,0 \log 10\text{PFU}$; - Tuýp huyết thanh 4 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,5 \log 10\text{PFU}$;	Mỗi liều vắc xin 0,5ml sau khi hoàn nguyên chứa: - Tuýp huyết thanh 1 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 3,3 \log 10\text{PFU}$; - Tuýp huyết thanh 2 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 2,7 \log 10\text{PFU}$; - Tuýp huyết thanh 3 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,0 \log 10\text{PFU}$; - Tuýp huyết thanh 4 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,5 \log 10\text{PFU}$;	Tiêm dưới da	Bột pha tiêm	Liều	100
Tổng cộng 01 khoản							